

Số: 123/KH-KL

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 3 năm 2019

KẾ HOẠCH
Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2019

Căn cứ Kế hoạch số 1315/KH-UBND ngày 13/3/2019 của UBND tỉnh về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 2377/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực nông nghiệp & PTNT thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Lâm Đồng;

Chi cục Kiểm lâm xây dựng Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2019 như sau:

I. Mục tiêu, yêu cầu và sản phẩm rà soát:

Rà soát, phát hiện các quy định về TTHC thuộc lĩnh vực lâm nghiệp còn vướng mắc, bất cập tại các văn bản QPPL của Trung ương và địa phương.

Kiến nghị phương án đơn giản hóa TTHC, đề xuất cắt giảm chi phí thực hiện TTHC, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Phương án kiến nghị đơn giản hóa TTHC phải có tính khả thi, để kịp thời kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các quy định hành chính, TTHC không còn phù hợp, đảm bảo thống nhất trong quá trình thực hiện.

2. Sản phẩm:

Phương án đơn giản hóa TTHC; đề xuất cắt giảm chi phí thực hiện TTHC kiến nghị Sở Nông nghiệp & PTNT trình UBND tỉnh phê duyệt;

II. Nội dung thực hiện:

1. Các TTHC rà soát:

- Phòng Quản lý bảo vệ rừng & BTTN, Sử dụng và phát triển rừng và Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố tổ chức rà soát, đánh giá TTHC (theo phụ lục đính kèm), gồm:

+ Phòng QLBR: 19 TTHC;

+ Phòng SDR: 19 TTHC;

+ Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố: 10 TTHC.

- Thời gian rà soát: từ tháng 4/2019 đến tháng 7/2019.

- Ngoài ra, trong quá trình thực hiện TTHC, nếu có vướng mắc, bất cập báo cáo, kiến nghị gửi Sở Nông nghiệp & PTNT.

2. Cách thức rà soát:

Thực hiện rà soát, đánh giá sự cần thiết, tính hợp lý, hợp pháp và chi phí tuân thủ TTHC theo hướng dẫn tại Điều 25 và các biểu mẫu tại phụ lục VII Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.

Tính toán chi phí tuân thủ TTHC thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 27 và biểu mẫu Phụ lục IX Thông tư số 02/2017/TT-VPCP.

3. Kết quả rà soát:

Báo cáo tổng hợp kết quả rà soát, kiến nghị đơn giản hóa TTHC kèm theo biểu mẫu rà soát.

Phương án đơn giản hóa TTHC.

III. Tổ chức thực hiện:

1. Các phòng Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên, Sử dụng và phát triển rừng, Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố tổ chức rà soát, đánh giá TTHC thuộc chức năng nhiệm vụ của mình (theo phụ lục đính kèm), gửi về phòng HCTH trong tháng 6/2019.

2. Giao phòng HCTH tổng hợp kết quả rà soát, đánh giá của các Phòng chuyên môn, các Hạt Kiểm lâm, báo cáo Sở Nông nghiệp & PTNT và các đơn vị liên quan trong tháng 7/2019.

Theo dõi, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện kế hoạch, đề xuất lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm biện pháp xử lý.

Đề nghị các phòng chuyên môn, Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện đúng theo thời gian quy định./.

(Đính kèm phụ lục các TTHC rà soát năm 2019)

Nơi nhận:

- Sở NN&PTNT;
- Các phòng chuyên môn;
- Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, HCTH.

CHI CỤC TRƯỞNG 



Nguyễn Khang Thiên

CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ NĂM 2019*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 125/KH-KL ngày 25/3/2019)*

T T	Tên tài liệu	Đơn vị thực hiện
Phòng Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên		
1	Giao rừng cho tổ chức	QLBVR&BTTN
2	Thẩm định, phê duyệt báo cáo xác định vùng đệm khu rừng đặc dụng và khu bảo tồn biển thuộc địa phương quản lý.	QLBVR&BTTN
3	Thẩm định, phê duyệt Quy hoạch khu rừng đặc dụng do địa phương quản lý	QLBVR&BTTN
4	Thẩm định, phê duyệt Quy hoạch rừng đặc dụng cấp tỉnh.	QLBVR&BTTN
5	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh các phân khu chức năng không làm thay đổi diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý.	QLBVR&BTTN
6	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý.	QLBVR&BTTN
7	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh giảm diện tích đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	QLBVR&BTTN
8	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng lập, tổ chức thực hiện hoặc liên kết với các đối tác đầu tư để thực hiện các phương án chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý	QLBVR&BTTN
9	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng tự tổ chức hoặc liên kết với tổ chức, cá nhân khác để kinh doanh dịch vụ nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, vui chơi giải trí lập dự án du lịch sinh thái đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	QLBVR&BTTN
10	Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư vùng đệm đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	QLBVR&BTTN
11	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái lập dự án du lịch sinh thái đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	QLBVR&BTTN
12	Thẩm định, Phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Thủ tướng Chính phủ thành lập thuộc địa phương quản lý	QLBVR&BTTN
13	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh các phân khu chức năng không làm thay đổi diện tích khu rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý	QLBVR&BTTN
14	Cho thuê rừng đối với tổ chức	QLBVR&BTTN
15	Thu hồi rừng của tổ chức được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc	QLBVR&BTTN

	không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh (chủ rừng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài)	
16	Thẩm định, phê duyệt đề án thành lập Trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật (đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý).	QLBVR&BTTN
17	Cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam và các Phụ lục II, III của Công ước CITES	QLBVR&BTTN
18	Giao nộp gấu cho nhà nước	QLBVR&BTTN
19	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu	QLBVR&BTTN
Phòng Sử dụng và phát triển rừng		
1	Thẩm định phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của tổ chức	SD&PTR
2	Cho phép trồng cao su trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại đối với tổ chức	SD&PTR
3	Cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng giữa 3 loại rừng đối với những khu rừng do UBND cấp tỉnh xác lập	SD&PTR
4	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	SD&PTR
5	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	SD&PTR
6	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác	SD&PTR
7	Phê duyệt hồ sơ thiết kế chặt nuôi dưỡng đối với khu rừng đặc dụng do tỉnh quản lý	SD&PTR
8	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (Gồm công nhận: cây trội; lâm phần tuyển chọn; rừng giống chuyển hóa; rừng giống; vườn cây đầu dòng)	SD&PTR
9	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ cải tạo rừng (đối với tổ chức khác và hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn)	SD&PTR
10	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ của tổ chức.	SD&PTR
11	Cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ của tổ chức	SD&PTR
12	Cấp phép khai thác chính gỗ rừng tự nhiên	SD&PTR
13	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng đặc dụng.	SD&PTR
14	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định	SD&PTR

	của pháp luật trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ của tổ chức.	
15	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên không vì mục đích thương mại trên các lâm phận của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý	SD&PTR
16	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên vì mục đích thương mại trên các lâm phận của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý	SD&PTR
17	Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác tận dụng gỗ khi chuyển sang trồng cao su của tổ chức (trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách hoặc vốn viện trợ không hoàn lại)	SD&PTR
18	Cấp chứng nhận nguồn gốc lô giống.	SD&PTR
19	Cấp chứng nhận nguồn gốc lô cây con.	SD&PTR
Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố		
1	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung; cây có nguồn gốc nhập khẩu hợp pháp; cây xử lý tịch thu	Hạt Kiểm lâm
2	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm đối với lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên trong nước của tổ chức xuất ra; lâm sản có nguồn gốc nhập khẩu chưa qua chế biến ở trong nước của tổ chức, cá nhân xuất ra; động vật rừng gây nuôi trong nước và bộ phận dẫn xuất của chúng của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra; lâm sản sau xử lý tịch thu của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra; lâm sản sau chế biến từ gỗ rừng tự nhiên trong nước, gỗ nhập khẩu, gỗ sau xử lý tịch thu của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra; lâm sản vận chuyển nội bộ giữa các địa điểm không cùng trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Hạt Kiểm lâm
3	Cấp giấy phép vận chuyển gấu	Hạt Kiểm lâm
4	Đóng dấu búa kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm
5	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác hợp pháp trong rừng đặc dụng hoặc rừng phòng hộ và cây xử lý tịch thu thuộc phạm vi quản lý của Hạt Kiểm lâm (đối với các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ có Hạt Kiểm lâm thuộc tỉnh)	Hạt Kiểm lâm
6	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đối với lâm sản xuất ra có nguồn gốc khai thác hợp pháp trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và lâm sản sau xử lý tịch thu	Hạt Kiểm lâm
7	Cấp bổ sung giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại.	Hạt Kiểm lâm
8	Cấp đổi giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	Hạt Kiểm lâm
9	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	Hạt Kiểm lâm
10	Xác nhận mẫu vật khai thác là động vật rừng thông thường.	Hạt Kiểm lâm